

Số: 237/QĐ-SNV

Hải Dương, ngày 23 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc bổ nhiệm và xếp lương đối với viên chức trúng tuyển
kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non,
phổ thông công lập tỉnh Hải Dương năm 2024**

GIÁM ĐỐC SỞ NỘI VỤ TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15/11/2010; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ các Thông tư: Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT; Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT; Thông tư số 03/2021/TT-BGDĐT, Thông tư số 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập; Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT ngày 14/4/2023 về Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT, 02/2021/TT-BGDĐT, 03/2021/TT-BGDĐT, 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập; Thông tư số 02/2007/TT-BNV ngày 25/5/2007 của Bộ Nội vụ hướng dẫn xếp lương khi nâng ngạch, chuyển ngạch, chuyển loại công chức, viên chức;

Căn cứ Quyết định số 44/2020/QĐ-UBND ngày 10/9/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương ban hành quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2020/NĐ-CP trong các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; hội, quỹ cấp tỉnh và người giữ chức danh, chức vụ tại doanh nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý; Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 04/1/2023 của UBND tỉnh Hải Dương về việc quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Sở Nội vụ;

Căn cứ Kế hoạch số 1789/KH-UBND ngày 16/5/2024 của UBND tỉnh Hải Dương về tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập tỉnh Hải Dương năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 2398/QĐ-UBND ngày 12/9/2024 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập tỉnh Hải Dương năm 2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công chức viên chức.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ nhiệm và xếp lương đối với 603 viên chức ngành giáo dục và đào tạo thuộc UBND huyện Bình Giang đã trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập tỉnh Hải Dương năm 2024. Thời gian hưởng kể từ ngày 01 tháng 09 năm 2024. Cụ thể:

1. Bổ nhiệm vào hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng I (V.07.02.24): 46 người.

2. Bổ nhiệm vào hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng II (V.07.02.25): 310 người.

3. Bổ nhiệm vào hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng I (V.07.03.27): 66 người.

4. Bổ nhiệm vào hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II (V.07.03.28): 99 người.

5. Bổ nhiệm vào hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng I (V.07.04.30): 52 người.

6. Bổ nhiệm vào hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng II (V.07.04.31): 17 người.

7. Bổ nhiệm vào hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông hạng II (V.07.05.14) tại trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên: 13 người.

(Có danh sách kèm theo)

Điều 2. Giám đốc các sở, ngành: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Kho bạc nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Bình Giang; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và các ông (bà) có tên tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành./

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: VT, CCVC.

GIÁM ĐỐC



Sái Thị Yến

DANH SÁCH XẾP LƯƠNG ĐỐI VỚI VIÊN CHỨC TRÚNG TUYỂN TRONG KỲ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHIỆP GIÁO VIÊN MẦM NON, PHÓ THỐNG CÔNG LẬP TỈNH HẢI DƯƠNG NĂM 2024

TỪ HẠNG II LÊN HẠNG I CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 237 /QĐ-SNV ngày 23 /9/2024 của Giám đốc Sở Nội vụ)

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Huyện, TP, TX	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Hạng CDNN hiện đang giữ	Mã số CDNN hiện đang giữ	Mức lương hiện hưởng				Hạng CDNN bổ nhiệm	Mã số CDNN bổ nhiệm	Mức lương xếp mới				
		Nam	Nữ						Bậc	Hệ số	PC TNVK	Thời gian tính năng lương (PCTNVK) lần sau			Bậc	Hệ số	PC TNVK	Thời gian hưởng	Thời gian tính năng lương lần sau
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
1	Vũ Hồng Thắng	07/11/1976		Hiệu trưởng	Bình Giang	THCS Vĩnh Hồng	II	V.07.04.31	4	5,02		01/06/2022	I	V.07.04.30	3	5,08		01/9/2024	01/06/2022
2	Nguyễn Thị Hồng		20/06/1987	TPCM	Bình Giang	THCS Vĩnh Hồng	II	V.07.04.31	1	4,00		01/11/2023	I	V.07.04.30	1	4,40		01/9/2024	01/09/2024
3	Đào Huy Trung	26/06/1979		Giáo viên	Bình Giang	THCS Vĩnh Hồng	II	V.07.04.31	4	5,02		01/09/2024	I	V.07.04.30	3	5,08		01/9/2024	01/09/2024
4	Nguyễn Huy Thịnh	17/08/1980		PHT	Bình Giang	THCS Kê Sắt	II	V.07.04.31	3	4,68		01/09/2023	I	V.07.04.30	2	4,74		01/9/2024	01/9/2023
5	Trịnh Thị Hậu		20/03/1974	PHT	Bình Giang	THCS Kê Sắt	II	V.07.04.31	5	5,36		01/03/2024	I	V.07.04.30	4	5,42		01/9/2024	01/3/2024
6	Phạm Thị Ngát		07/03/1973	Giáo viên	Bình Giang	THCS Kê Sắt	II	V.07.04.31	5	5,36		01/11/2023	I	V.07.04.30	4	5,42		01/9/2024	01/11/2023
7	Nguyễn Thị Thanh Vân		13/07/1979	Tổ Trưởng	Bình Giang	THCS Kê Sắt	II	V.07.04.31	3	4,68		01/03/2022	I	V.07.04.30	2	4,74		01/9/2024	01/3/2022
8	Vũ Thị Hương		11/05/1976	Tổ phó	Bình Giang	THCS Kê Sắt	II	V.07.04.31	5	5,36		01/03/2024	I	V.07.04.30	4	5,42		01/9/2024	01/3/2024
9	Cao Văn Thịnh	17/04/1987		TTCM	Bình Giang	TH&THCS Thái Hoà	II	V.07.04.31	1	4,00		01/11/2023	I	V.07.04.30	1	4,40		01/9/2024	01/9/2024
10	Nguyễn Thu Hương		30/5/1972	HT	Bình Giang	THCS Cổ Bi	II	V.07.04.31	5	5,36		01/11/2023	I	V.07.04.30	4	5,42		01/9/2024	01/11/2023
11	Vũ Văn Hào	7/10/1978		PHT	Bình Giang	THCS Cổ Bi	II	V.07.04.31	4	5,02		01/4/2023	I	V.07.04.30	3	5,08		01/9/2024	01/4/2023
12	Phạm Thị Yến Nga		02/7/1978	GV	Bình Giang	THCS Cổ Bi	II	V.07.04.31	3	4,68		01/12/2023	I	V.07.04.30	2	4,74		01/9/2024	01/12/2023
13	Đặng Thanh Thắng	17/5/1973		Hiệu trưởng	Bình Giang	THCS Long Xuyên	II	V.07.04.31	4	5,02		01/6/2022	I	V.07.04.30	3	5,08		01/9/2024	01/6/2022
14	Nguyễn Thị Thu Hương		10/10/1982	GV	Bình Giang	THCS Long Xuyên	II	V.07.04.31	2	4,34		01/12/2021	I	V.07.04.30	1	4,40		01/9/2024	01/12/2021
15	Ngô Thị Quyên		07/01/1979	TPCM	Bình Giang	THCS Long Xuyên	II	V.07.04.31	3	4,68		01/02/2022	I	V.07.04.30	2	4,74		01/9/2024	01/02/2022
16	Nguyễn Văn Huệ	25/07/1974		Hiệu trưởng	Bình Giang	THCS Vũ Hữu	II	V.07.04.31	4	5,02		01/10/2022	I	V.07.04.30	3	5,08		01/9/2024	01/10/2022
17	Nguyễn Văn Nam	07/07/1980		Phó Hiệu trưởng	Bình Giang	THCS Vũ Hữu	II	V.07.04.31	3	4,68		01/9/2023	I	V.07.04.30	2	4,74		01/9/2024	01/09/2023
18	Đoàn Thị Thu Hải		01/06/1977	Giáo viên	Bình Giang	THCS Vũ Hữu	II	V.07.04.31	3	4,68		01/9/2023	I	V.07.04.30	2	4,74		01/9/2024	01/09/2023
19	Khúc Thừa Thuận	09/10/1978		Giáo viên	Bình Giang	THCS Vũ Hữu	II	V.07.04.31	4	5,02		01/02/2024	I	V.07.04.30	3	5,08		01/9/2024	01/02/2024

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Huyện, TP, TX	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Hạng CDNN hiện đang giữ	Mã số CDNN hiện đang giữ	Mức lương hiện hưởng				Hạng CDNN bổ nhiệm	Mã số CDNN bổ nhiệm	Mức lương xếp mới				
		Nam	Nữ						Bậc	Hệ số	PC TNVK	Thời gian tính năng lương (PCTNVK) lần sau			Bậc	Hệ số	PC TNVK	Thời gian hưởng	Thời gian tính năng lương lần sau
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
20	Nguyễn Thị Giang		15/10/1979	Hiệu trưởng	Bình Giang	THCS Thúc Kháng	II	V.07.04.31	3	4,68		01/5/2022	I	V.07.04.30	2	4,74		01/9/2024	01/5/2022
21	Nhữ Văn Học	24/07/1981		Phó Hiệu trưởng	Bình Giang	THCS Thúc Kháng	II	V.07.04.31	3	4,68		01/3/2023	I	V.07.04.30	2	4,74		01/9/2024	01/3/2023
22	Nguyễn Thị Nhân		01/01/1976	TTCM	Bình Giang	THCS Thúc Kháng	II	V.07.04.31	4	5,02		01/01/2022	I	V.07.04.30	3	5,08		01/9/2024	01/01/2022
23	Vũ Đình Quang	22/6/1966		HT	Bình Giang	THCS Hồng Khê	II	V.07.04.31	6	5,70		01/11/2023	I	V.07.04.30	5	5,76		01/9/2024	01/11/2023
24	Vũ Đình Thắng	23/4/1983		HP	Bình Giang	THCS Hồng Khê	II	V.07.04.31	2	4,34		01/06/2024	I	V.07.04.30	1	4,40		01/9/2024	01/06/2024
25	Đào Thị Đàm		15/5/1981	TTCM	Bình Giang	THCS Hồng Khê	II	V.07.04.31	3	4,68		01/12/2022	I	V.07.04.30	2	4,74		01/9/2024	01/12/2022
26	Đặng Thị Dậm		15/7/1983	GV	Bình Giang	THCS Hồng Khê	II	V.07.04.31	2	4,34		01/09/2023	I	V.07.04.30	1	4,40		01/9/2024	01/09/2023
27	Vũ Đình Hoan	21/09/1972		Hiệu trưởng	Bình Giang	THCS Hùng Thắng	II	V.07.04.31	5	5,36		01/11/2023	I	V.07.04.30	4	5,42		01/9/2024	01/11/2023
28	Trần Thị Tú		8/12/1980	TPCM	Bình Giang	THCS Hùng Thắng	II	V.07.04.31	3	4,68		01/12/2023	I	V.07.04.30	2	4,74		01/9/2024	01/12/2023
29	Đào Việt Phương	03/05/1977		Phó Hiệu trưởng	Bình Giang	THCS Thái Dương	II	V.07.04.31	4	5,02		01/12/2022	I	V.07.04.30	3	5,08		01/9/2024	01/12/2022
30	Vũ Thị Kiều Oanh		26/05/1980	TTCM	Bình Giang	THCS Thái Dương	II	V.07.04.31	2	4,34		01/6/2022	I	V.07.04.30	1	4,40		01/9/2024	01/6/2022
31	Phạm Đức Thắng		12/7/1974	Hiệu trưởng	Bình Giang	THCS Nhân Quyền	II	V.07.04.31	5	5,36		01/6/2024	I	V.07.04.30	4	5,42		01/9/2024	01/06/2024
32	Đặng Thị Mai		28/07/1979	Phó Hiệu trưởng	Bình Giang	THCS Nhân Quyền	II	V.07.04.31	3	4,68		01/9/2021	I	V.07.04.30	2	4,74		01/9/2024	01/9/2021
33	Phạm Thị Tuyết Mai		19/02/1978	Giáo viên	Bình Giang	THCS Nhân Quyền	II	V.07.04.31	3	4,68		01/10/2021	I	V.07.04.30	2	4,74		01/9/2024	01/10/2021
34	Phạm Việt Cảnh	16/02/1977		HT	Bình Giang	THCS Tân Việt	II	V.07.04.31	4	5,02		01/02/2023	I	V.07.04.30	3	5,08		01/9/2024	01/02/2023
35	Vũ Duy Mạnh	02/08/1972		Phó HT	Bình Giang	THCS Tân Việt	II	V.07.04.31	4	5,02		01/9/2021	I	V.07.04.30	3	5,08		01/9/2024	01/9/2021
36	Đoàn Thị Hoà		13/12/1981	TTCM	Bình Giang	THCS Tân Việt	II	V.07.04.31	2	4,34		01/01/2022	I	V.07.04.30	1	4,40		01/9/2024	01/01/2022
37	Vũ Đình Cường	26/10/1982		GV	Bình Giang	THCS Tân Việt	II	V.07.04.31	2	4,34		01/06/2022	I	V.07.04.30	1	4,40		01/9/2024	01/06/2022
38	Phạm Hồng Tiến	11/04/1975		Hiệu trưởng	Bình Giang	TH&THCS Bình Minh	II	V.07.04.31	5	5,36		01/12/2023	I	V.07.04.30	4	5,42		01/9/2024	01/12/2023
39	Vũ Thị Phương Thoa		29/04/1977	Giáo viên	Bình Giang	TH&THCS Bình Minh	II	V.07.04.31	4	5,02		01/05/2022	I	V.07.04.30	3	5,08		01/9/2024	01/05/2022
40	Bùi Tiến Huy	05/02/1977		Phó HT	Bình Giang	THCS Bình Xuyên	II	V.07.04.31	4	5,02		01/01/2024	I	V.07.04.30	3	5,08		01/9/2024	01/01/2024
41	Vũ Thị Phương		24/7/1977	Giáo viên	Bình Giang	THCS Bình Xuyên	II	V.07.04.31	4	5,02		01/01/2024	I	V.07.04.30	3	5,08		01/9/2024	01/01/2024

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Huyện, TP, TX	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Hạng CDNN hiện đang giữ	Mã số CDNN hiện đang giữ	Mức lương hiện hưởng				Hạng CDNN bổ nhiệm	Mã số CDNN bổ nhiệm	Mức lương xếp mới				
		Nam	Nữ						Bậc	Hệ số	PC TNVK	Thời gian tính nâng lương (PCTNVK) lần sau			Bậc	Hệ số	PC TNVK	Thời gian hưởng	Thời gian tính nâng lương lần sau
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
42	Phạm Thị Thuỳ		28/11/1982	Giáo viên	Bình Giang	THCS Bình Xuyên	II	V.07.04.31	1	4,00		01/12/2021	I	V.07.04.30	1	4,40		01/9/2024	01/9/2024
43	Trần Thị Minh Nguyệt		15/3/1984	Giáo viên	Bình Giang	THCS Bình Xuyên	II	V.07.04.31	2	4,34		01/12/2023	I	V.07.04.30	1	4,40		01/9/2024	01/12/2023
44	Đặng Thị Vân		22/7/1970	HT	Bình Giang	THCS Tân Hồng	II	V.07.04.31	5	5,36		01/11/2023	I	V.07.04.30	4	5,42		01/9/2024	01/11/2023
45	Phạm Văn Bình	26/10/1976		PHT	Bình Giang	THCS Tân Hồng	II	V.07.04.31	5	5,36		01/3/2024	I	V.07.04.30	4	5,42		01/9/2024	01/3/2024
46	Vũ Đình Hào	01/10/1979		TPT Đội	Bình Giang	THCS Tân Hồng	II	V.07.04.31	3	4,68		01/3/2024	I	V.07.04.30	2	4,74		01/9/2024	01/3/2024
47	Phạm Đình Hưng	10/4/1973		Phó Hiệu trưởng	Bình Giang	THCS Vĩnh Hưng	II	V.07.04.31	4	5,02		01/3/2022	I	V.07.04.30	3	5,08		01/9/2024	01/3/2022
48	Phạm Thị Nguyệt		29/01/1973	GV	Bình Giang	THCS Vĩnh Hưng	II	V.07.04.31	3	4,68		01/12/2023	I	V.07.04.30	2	4,74		01/9/2024	01/12/2023
49	Phạm Thị Hà		25/5/1980	GV	Bình Giang	THCS Vĩnh Hưng	II	V.07.04.31	3	4,68		01/6/2022	I	V.07.04.30	2	4,74		01/9/2024	01/6/2022
50	Đỗ Văn Doãn	26/02/1983		P.Hiệu trưởng	Bình Giang	THCS Thái Học	II	V.07.04.31	2	4,34		01/12/2023	I	V.07.04.30	1	4,40		01/9/2024	01/12/2023
51	Lê Thị Hạnh		04/02/1979	TPCM	Bình Giang	THCS Thái Học	II	V.07.04.31	3	4,68		01/12/2023	I	V.07.04.30	2	4,74		01/9/2024	01/12/2023
52	Vũ Thị Vinh		25/5/1980	TTCM	Bình Giang	THCS Thái Học	II	V.07.04.31	3	4,68		01/3/2024	I	V.07.04.30	2	4,74		01/9/2024	01/3/2024

Danh sách gồm 52 người.